TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày: 24-02-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Văn Nhị.

2- Ông Bùi Mạnh Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị B** (tên gọi khác: V). Sinh năm 1977, tại Long An. Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện L, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân chưa bị xử phạt hành chính, chưa có án tích. Bị tạm giữ từ ngày 20-8-2022 đến ngày 23-8-2022 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thủ Thừa. (bị cáo có mặt)

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp Bình Cang 1, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp Hòa Phú, xã T, huyện S, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 5 năm 2021, Nguyễn Thị B đến nhà trọ Phương Vốn của chị Hoàng Thị Hồng P ở ấp 6, xã T, huyện T chơi. Tại đây B quen biết bà Lê Thị Ngọc H làm nghề môi giới mua bán đất và thế chấp giấy tờ đất để vay tiền. Do cần tiền nên B nảy sinh ý định tìm người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng minh nhân dân giả để nhờ H giới thiệu thế chấp vay tiền. B sử dụng tài khoản Facebook tên "Nguyễn Vân" tìm kiếm và biết tài khoản facebook tên "Huỳnh Công Th" có đăng nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng minh nhân dân giả. B liên hệ qua số điện thoại gặp một người đàn ông không rõ nhân thân thỏa thuận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh nhân dân giả với số tiền 5.000.000 đồng, đặt cọc trước 1.000.000 đồng, sau 03 ngày chuyển thêm 4.000.000 đồng để nhận giấy tờ. Người này cung cấp số tài khoản ngân hàng cho B để chuyển tiền, sau đó B cung cấp thông tin để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả như sau: Chủ sở hữu tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977, thửa đất có chiều rộng khoảng 11m và chiều dài khoảng 09m, vị trí thửa đất tại ấp 2, xã Đ, huyện L. Các thông tin khác trên thửa đất thì cho ngẫu nhiên. B tiếp tục cung cấp thông tin làm giấy chứng minh nhân dân giả gồm: tên Nguyễn Thị Kim T, năm sinh 1977, nơi đăng ký thường trú ấp 2, xã Đ, huyện L, còn các thông tin khác thì cho ngẫu nhiên. B dùng điện thoại tự chụp ảnh chân dung của mình rồi gửi qua ứng dụng Mesenger trên facebook. B cho địa chỉ nhận giấy tờ là tại quán bán nước giải khát của B ở cặp Quốc lộ 1 thuộc ấp 2, xã Đ, huyện L. Sau 03 ngày, người đàn ông nói trên cung cấp một tài khoản ngân hàng khác yêu cầu B chuyển 4.000.000 đồng còn lại để được nhận giấy tờ. Sau khi chuyển tiền, người này gọi điện thoại cho B chỉ vị trí để giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng minh nhân dân giả trong một túi nhựa màu đen tại thùng rác công cộng phía trước quán giải khát của B. B kiểm tra và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CĐ 391736, số vào sổ cấp GCN CS07316, thửa đất số 230, tờ bản đồ số 17, diện tích 88,7m^2, tọa lạc tại ấp 2, xã Đ, huyện L do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 05-8-2016 cho Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977, HKTT: ấp 2, xã Đ, huyện L, tỉnh Long An và giấy chứng minh nhân dân giả có thông tin như đã đặt làm cùng tên Nguyễn Thị Kim T.

Ngày 29-6-2021, B liên hệ với H nhờ giới thiệu thế chấp giấy đất để vay tiền nhưng B không nói cho H biết giấy đất là giả. H hẹn B đến nhà chị Nguyễn Thị Ngọc C ở ấp Bình Cang 1, xã B, huyện T để thế chấp vay tiền. Chị C xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CĐ 391736 tin là thật nên đồng ý nhận thế chấp và cho B vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng nhưng hai bên không làm hợp đồng thế chấp giấy đất vay tiền mà làm hợp đồng đặt cọc mua bán đất. Chị C viết hợp đồng đặt cọc mua bán đất, B ký, viết tên "Nguyễn Thị Kim T" và in dấu vân tay dưới mục "Đại diện bên chuyển quyền". H ký, viết họ và tên, in dấu vân tay người làm chứng. C ký tên, viết họ tên, in dấu vân tay tại dưới mục "Đại diện bên nhận chuyển quyền". Chị C trừ trước tiền lãi 01 tháng là 8.000.000

đồng và giao cho B số tiền 72.000.000 đồng, chị C giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà B đưa. Sau khi lấy được tiền, B cho H số tiền khoảng 2.000.000 đồng (cả hai không nhớ rõ), số tiền còn lại B tiêu xài cá nhân. Sau khi nhờ người quen kiểm tra, chị C biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 391736 mà B đưa là giả nên làm đơn tố giác.

Ngày 16-7-2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức có Văn bản số 1561/CN.VPĐKĐĐ.NV xác định thông tin đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 17 diện tích 577m^2 (LUC) tọa lạc tại xã Đ, huyện L do ông Phẩm Văn Nhiệm đứng tên.

Tại Kết luận giám định số 658/2021/KLGD ngày 06-8-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 391736 mà chị C nhận của B là giả.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An ra quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay in ở dưới mục "Đại diện bên chuyển quyền" trong hợp đồng đặt cọc mua bán đất do chị C lập ngày 29-6-2021 với dấu đường vân chỉ tay trên chỉ bản của Nguyễn Thị B. Kết luận giám định số 664/2021/KLGD ngày 31-7-2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: Do đường vân bị mờ nhòe không đủ yếu tố làm mẫu cần giám định truy nguyên đồng nhất.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 10-01-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã truy tố Nguyễn Thị B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị B khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng đã nêu, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình cha mẹ già lớn tuổi. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền là 80.000.000 đồng, không yêu cầu bị hại C trả lại số tiền chênh lệch nhiều hơn số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và áp dụng Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm đến 04 năm tù. Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 391736, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo

màu đen, Model Tb 8504X đã qua sử dụng. Về trách nhiệm dân sự các bên đã thỏa thuận giải quyết xong nên không cần xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên được phân công thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại do đó các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy bị hại là chị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Lê Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử vì những người này đã có đầy đủ lời khai, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đông xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có liên quan, kết luận giám định, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ động cơ cá nhân để có tiền tiêu xài Nguyễn Thị B đã sử dụng Facebook của người không biết rõ họ tên và địa chỉ đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng minh nhân dân giả để đem thế chấp vay tiền của người khác, làm cho người bị hại tin tưởng là có đất thật để vay tiền nhằm mục đích chiếm đoạt. Cụ thể Ngày 29-6-2021, B nhờ H giới thiệu và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CĐ391736 cho chị Nguyễn Thị Ngọc C để vay số tiền 80.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyến sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân về việc tài liệu của các cơ quan, tổ chức bị làm giả để thực hiện hành vi trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

… .

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

a)…

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

… .

Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a)…

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;

… .

Như vậy Cáo trạng của trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa truy tố để xét xử bị cáo Nguyễn Thị B theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo B là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng cho bị cáo hình phạt tù để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội, tuy nhiên có xem xét cho bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy trong quá trình điều tra và xét xử bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình có mẹ già nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nghẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân

tốt, vì vậy áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Đối với Lê Thị Ngọc H khi giới thiệu B đến nhà chị C thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền thì H không biết giấy chứng nhận B sử dụng là giấy tờ giả. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa không xử lý đối với H là phù hợp.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa có thu giữ của B 01 máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo màu đen, Model Tb 8504X đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có số CĐ 391736 là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền là 80.000.000 đồng, không yêu cầu bị hại C trả lại số tiền chênh lệch nhiều hơn số tiền bị cáo đã chiếm đoạt nên không cần xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 01(một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 20-8-2022.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị B 45 ngày sau khi tuyên án để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo màu đen, Model Tb 8504X đã qua sử dụng, theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKS ngày 10-01-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa.

Tịch thu tiêu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có số CĐ 391736, số vào sổ cấp GCN CS07316, tên người sử dụng đất Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977, đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp 2, xã Đ, huyện L, tỉnh Long An.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án này xử sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24-02-2023. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Chi cục THA-DS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Tiến